

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **193/2021/DS-PT**

Ngày: 26 - 10 - 2021

V/v: “Đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Đặng Kim Nhân**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/TBTL-TA ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “Đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 143/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P; cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đều có mặt

- ***Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H; (Ông H đại diện cho bà H); Có mặt

2. Bà Lê Thị V; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

3. Ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. UBND xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
3. Quỹ tín dụng nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P (viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Năm 1997, nguyên đơn cùng gia đình các ông Lê Văn N (ông N là bố ông T), ông Nguyễn Xuân H và ông Nguyễn Văn H1 thuê đội cơ giới về san ủi đất và đào hố trồng cây cao su tiểu điền tại đồi G và HG, xã P. Năm 2000, tất cả các hộ đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ), trong đó nguyên đơn được giao 27.015m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 xã P; gia đình ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H được giao 22.100m² tại thửa đất số 47 (1), tờ bản đồ số 15 xã P; gia đình ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị V được giao 22.085m² tại thửa đất số 47 (2), tờ bản đồ số 15 xã P. Năm 2002, toàn bộ cây cao su của các hộ trên bị cháy nên gia đình nguyên đơn và các bị đơn đã chuyển sang trồng cây tràm, cây keo nên các bị đơn trong vụ án đã lấn chiếm đất của gia đình nguyên đơn. Năm 2008 nguyên đơn và hộ ông Lê Hữu T trồng lại cây cao su, còn hộ ông Nguyễn Văn H1 và hộ ông Nguyễn Xuân H chuyển sang trồng dưa và trồng mì theo thời vụ. Năm 2012 các bị đơn lập hồ sơ và được UBND huyện B cấp đổi GCNQSDĐ vào năm 2015, riêng gia đình nguyên đơn chưa cấp đổi GCNQSDĐ vì diện tích đất bị lấn chiếm. Cụ thể các bị đơn lấn chiếm như sau: Vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 lấn chiếm 2.853m²; vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H lấn chiếm 2.778m²; vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 (đã chết), bà Lê Thị V lấn chiếm 2.783m². Để đảm bảo quyền lợi của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B cấp đổi năm 2015 cho các bị đơn, do đã lấn chiếm đất của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị V (viết tắt là bị đơn) trình bày: Năm 1997, thực hiện dự án trồng cây cao su tiểu điền các bị đơn và nguyên đơn đã khai hoang phục hóa rừng đồi tại vùng HG và G xã P để trồng cây cao su. Năm 2000 bị đơn được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ lần đầu với diện tích 22.100m² tại thửa đất số 47 (1), tờ bản đồ số 15 xã P cho hộ ông Nguyễn Xuân H và 22.085m² tại thửa đất số 47 (2), tờ bản đồ số 15 xã P cho hộ ông Nguyễn Văn H1. Năm 2002

cây cao su của bị đơn bị cháy nên chuyển sang trồng keo và sau này trồng mì, trồng dưa. Năm 2012 có chủ trương đổi GCNQSDĐ các bị đơn làm thủ tục. Đến năm 2015 các bị đơn được UBND huyện B cấp đổi GCNQSDĐ số BV 331871 mang tên ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H với diện tích 24.863m² tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 16 xã P. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bị đơn không nhất trí vì lúc khai hoang và sử dụng đất cho đến nay các hộ vẫn sử dụng đúng ranh giới và diện tích được giao.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 (viết tắt là bị đơn) trình bày: Năm 1997, bố bị đơn là cụ Lê Văn N đã khai hoang phục hóa trồng cây cao su tại vùng G xã P (sau đó giao lại cho ông Lê Hữu T là con trai): Năm 2000 bị đơn được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ lần đầu số P 924978 tại thửa đất số 51(2), tờ bản đồ số 15 xã P, huyện B; Năm 2009, bị đơn được UBND huyện B cấp đổi GCNQSDĐ số AQ 089084 với diện tích 19.847m² tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 16 xã P, huyện B; năm 2015 được UBND huyện B cấp đổi GCNQSDĐ số BV 331956 mang tên ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 với diện tích 20.197m² tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 16 xã P. Quá trình sử dụng đất bị đơn đã đào hào phân định ranh giới giữa các gia đình, sử dụng ổn định từ khi được giao đất cho đến nay không có tranh chấp, cây cao su của bị đơn trồng đã hơn 12 năm. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy GCNQSDĐ bị đơn không nhất trí.

Tại công văn số 852/UBND ngày 25/5/2021, UBND huyện B trình bày: Năm 2000, hộ ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) có đơn đề nghị và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ lần đầu số P 924965 với diện tích 22.085m² tại thửa đất số 47(2), tờ bản đồ số 15 xã P, huyện B; Năm 2012, thực hiện dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị V được cấp đổi thành GCNQSDĐ số BV 331909 với diện tích 24.883m² tại thửa đất số 235, tờ bản đồ số 16 xã P, huyện B.

Năm 2000, hộ ông Nguyễn Xuân H có vợ là Ngô Thị H có đơn đề nghị và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ lần đầu số P 924964 với diện tích 22.100m² tại thửa đất số 47(1), tờ bản đồ số 15 xã P, huyện B; Năm 2012, thực hiện dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H được cấp đổi thành GCNQSDĐ số BV 331871 với diện tích 24.863m² tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 16 xã P, huyện B.

Năm 2000, hộ ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 có đơn đề nghị và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số P 924978 với diện tích 12.000m² tại thửa đất số 51(2),

tờ bản đồ số 15 xã P, huyện B; Năm 2009, ông T, bà H1 đề nghị cấp đổi được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AQ 089084 với diện tích 19.847m² tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 16 xã P, huyện B. Năm 2012, thực hiện dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 được cấp đổi thành GCNQSDĐ số BV 331956 với diện tích 20.197m² tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 16 xã P, huyện B.

Năm 2000, ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P có đơn đề nghị được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ lần đầu số P 294964 với diện tích 27.015m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 xã P, huyện B, đến nay vẫn chưa cấp đổi GCNQSDĐ.

Đối với việc sai lệch diện tích trong GCNQSDĐ cấp đổi của các hộ gia đình, UBND huyện B xác định việc cấp đổi GCNQSDĐ được thực hiện theo đúng quy định, quá trình đo đạc đúng hiện trạng thực tế của các hộ gia đình đang sử dụng. Hiện nay các hộ sử dụng ổn định, ranh giới, mốc giới rõ ràng. Do đó việc tăng diện tích do quá trình đo đạc có sai số chứ không phải do lấn chiếm. Vì vậy, UBND huyện B đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Quỹ tín dụng nhân dân xã V, huyện B trình bày: Đơn vị có ký kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H để cho vay 190.000.000 đồng vào ngày 12/4/2021. Tài sản thế chấp để đảm bảo vốn vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 331871 của UBND huyện B cấp cho ông H, bà H. Quỹ tín dụng nhân dân xã V đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích cho đơn vị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 20 và Điều 36 Luật đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 99, khoản 5 Điều 98, Điều 100, khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân H và hộ bà Lê Thị V trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân huyện B đã cấp đổi cho hộ ông Nguyễn Xuân H và hộ bà Lê Thị V năm 2015.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P 2.657m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 16) xã P, huyện B, cụ thể: Phía Bắc từ điểm 10 đến điểm 12 giáp phần đất của ông H dài 131,06 mét; phía Tây giáp đường đi từ điểm 12 đến điểm 13 dài 23,08 mét; phía Nam giáp diện tích đất ông

3. Buộc bà Lê Thị V phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P 2.783m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 16) xã P, huyện B, cụ thể: Phía Bắc từ điểm 6 đến điểm 10 giáp phần đất của bà V dài 144,9 mét; phía Tây từ điểm 10 đến điểm 11 dài 19,39 mét; phía Nam giáp diện tích đất ông L từ điểm 7 đến điểm 8 và từ điểm 8 đến điểm 11 dài 132,26 mét; phía Đông giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Lâm từ điểm 6 đến điểm 7 dài 19,6 mét.

Diện tích 121 m²

Diện tích 496,6 m²

Diện tích 852 m²

Diện tích 27,7 m²

Diện tích 309 m²

CLN $\frac{234}{24867,6}$

CLN $\frac{235}{24905,3}$

CLN $\frac{237}{17814,2}$

CLN $\frac{238}{21017,3}$

Cột điện 500KV

Ranh giới theo Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp

Nguyễn Văn Lâm

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 331871 ngày 16 tháng 4 năm 2015 của UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H, đối với phần diện tích 2.657m² đất lấn chiếm của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P.

5

4 năm 2015 của UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị V, đổi phần diện tích 2.783m² đất lấn chiếm của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P.

7. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký biến động đất đai theo quy định của Luật đất đai.

8. Ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H; bà Lê Thị V; ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 phải trả cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P mỗi gia đình 3.500.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, bị đơn ông bà Lê Thị V có đơn kháng cáo, ngày 01 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo với nội dung: Diện tích đất của gia đình ông H và gia đình bà V sử dụng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tăng thêm là do gia đình ông H và gia đình bà V mở rộng phần vành đai; Ranh giới, mốc giới vẫn như cũ chứ không có lấn chiếm đất của ông L, bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị V đều cho rằng, diện tích đất gia đình ông H và bà gia đình bà V sử dụng từ năm 1987; Diện tích đất tăng thêm là do gia đình ông H và gia đình bà V mở rộng phần vành đai chứ ranh giới, mốc giới vẫn như cũ không có lấn chiếm đất của ông L, bà P nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông L, bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Hữu T, bà Lê Thị H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn có mặt và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Xét kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị V thì

thấy: Năm 1997 gia đình nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và gia đình các bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị V đã khai hoang trồng cây cao su tiểu điền tại đồi G và vùng HG, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 2000, gia đình nguyên đơn ông L và gia đình các bị đơn ông H, bà V đều được UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất như sau: Gia đình ông L 27.015m², gia đình ông H 22.100m², gia đình bà V 22.085m². Ngày 16-4-2015, gia đình ông H và gia đình bà V được UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất như sau: Gia đình ông H 24.863m², gia đình bà V 24.883m², còn gia đình ông L chưa cấp đổi.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 01-02-2021 và ngày 11-5-2021 xác định gia đình nguyên đơn ông L đang sử dụng diện tích 17.614,2m², ít hơn so với Giấy chứng nhận được cấp năm 2000 là 9.400,8m²; bị đơn gia đình ông H đang sử dụng diện tích 24.867,6m², nhiều hơn so với Giấy chứng nhận được cấp năm 2000 là 2.782,6m², bị đơn gia đình bà V đang sử dụng diện tích 24.905,3m², nhiều hơn so với Giấy chứng nhận được cấp năm 2000 là 2.805,3m².

Ông H và bà V cho rằng, diện tích đất tăng là do gia đình ông H, bà V mở rộng phần vành đai. Bản án sơ thẩm đã nhận định: Tại biên bản thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất của gia đình ông H và gia đình bà V có 2 cạnh phía Tây và phía Bắc giáp đường giao thông cạnh hồ nước nên không thể tăng thêm diện tích canh tác, cạnh phía Nam của hai hộ giáp với diện tích đất của hộ ông L, cạnh phía Đông của bà V giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Lâm và có một đường đi nhỏ ngăn cách. Do đó, việc ông H và bà V cho rằng diện tích đất tăng thêm là do mở rộng vành đai là không có cơ sở.

3. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên xử buộc ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H trả lại cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P 2.657m² đất; buộc bà Lê Thị V phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P 2.738m² đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị V để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp lại là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Lê

Thị V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 20 và Điều 36 Luật đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 99, Điều 100, khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân H và hộ bà Lê Thị V trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân huyện B đã cấp đổi cho hộ ông Nguyễn Xuân H và hộ bà Lê Thị V năm 2015.

- Buộc ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P 2.657m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 16) xã P, huyện B, cụ thể: Phía Bắc từ điểm 10 đến điểm 12 giáp phần đất của ông H dài 131,06 mét; phía Tây giáp đường đi từ điểm 12 đến điểm 13 dài 23,08 mét; phía Nam giáp diện tích đất ông L từ điểm 11 đến điểm 13 dài 124,23 mét; phía Đông từ điểm 10 đến điểm 11 dài 19,39 mét.

- Buộc bà Lê Thị V phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P 2.783m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 16) xã P, huyện B, cụ thể: Phía Bắc từ điểm 6 đến điểm 10 giáp phần đất của bà V dài 144,9 mét; phía Tây từ điểm 10 đến điểm 11 dài 19,39 mét; phía Nam giáp diện tích đất ông L từ điểm 7 đến điểm 8 và từ điểm 8 đến điểm 11 dài 132,26 mét; phía Đông giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Lâm từ điểm 6 đến điểm 7 dài 19,6 mét.

(có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 331871 ngày 16 tháng 4 năm 2015 của UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân H, bà Ngô Thị H đối với phần diện tích 2.657m² đất lấn chiếm của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 331909 ngày 16 tháng 4 năm 2015 của UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị V đối với phần diện tích 2.783m² đất lấn chiếm của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị P.

- Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký biến động đất đai theo quy định của Luật đất đai.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ số tiền ông H, bà V đã nộp mỗi người 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002424 và số 0002425 cùng ngày 01-6-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm